

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 971/TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

**Quyết định ban hành Quy chế đăng ký tàu bay, đăng ký chuyển nhượng quyền
sở hữu tàu bay và
đăng ký thế chấp tàu bay dân dụng**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991 và Luật
sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20
tháng 4 năm 1995;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam và Bộ trưởng Bộ
Tư pháp,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đăng ký tàu bay, đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu tàu bay và đăng ký thế chấp tàu bay dân dụng.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Hàng không dân dụng Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT.Thủ tướng chính phủ

Phó Thủ tướng

Trần Đức Lương

(Đã Ký)

QUY CHẾ

Đăng ký tàu bay, đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu tàu bay và đăng ký thế chấp tàu bay dân dụng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 971/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1996 của
Thủ tướng Chính phủ)*

Chương 1:

ĐĂNG KÝ TÀU BAY DÂN DỤNG VIỆT NAM

Mục A: ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ

Điều 1.

1. Tàu bay thuộc sở hữu của các tổ chức và cá nhân sau đây được đăng ký tại Việt Nam:

- a) Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam;
- b) Doanh nghiệp vận chuyển hàng không của Việt Nam đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;
- c) Các pháp nhân Việt Nam có các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;
- d) Tàu bay của các cơ quan Nhà nước Việt Nam, trừ tàu bay của Quân đội, Hải quan, An ninh và Cảnh sát;
- đ) Tàu bay của các tổ chức xã hội được thành lập theo Phát luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam, hoạt động tại Việt Nam, có trên 2/3 hội viên là công dân Việt Nam và những người tham gia lãnh đạo, quản lý tổ chức xã hội đó là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam.

2. Tàu bay của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước được đăng ký tại Việt Nam, nếu ít nhất 70% phần lợi hoặc cổ phiếu bầu trong công ty thuộc công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam hoặc thuộc Nhà nước Việt Nam; Chủ tịch và ít nhất 2/3 thành viên hội đồng quản trị của Công ty là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam.

3. Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, công dân nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài có thể được đăng ký tại Việt Nam, nếu tàu bay đó được tổ

chức hoặc công dân Việt Nam có đủ các điều kiện đăng ký tại Việt Nam theo các quy định của khoản 1 và khoản 2 Điều này thuê hoặc thuê lại (dưới đây gọi chung là thuê).

4. Tàu bay của các tổ chức hoặc cá nhân không có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, thì tùy từng trường hợp cụ thể, có thể được đăng ký tại Việt Nam nhưng không gây ảnh hưởng xấu tới an ninh, quốc phòng và lợi ích của Việt Nam.

Điều 2. Tàu bay không được đăng ký tại Việt Nam trong những trường hợp:

1. Tàu bay đang có đăng ký ở nước ngoài và không được xoá đăng ký theo Luật của nước ngoài;
2. Tàu bay thuộc sở hữu hoặc được thuê bởi người không có đủ các điều kiện đăng ký quy định tại Điều 1 của Quy chế này;
3. Việc đăng ký tàu bay có thể gây ảnh hưởng xấu tới an ninh, quốc phòng và lợi ích của Việt Nam.

Điều 3.

1. Sau khi được đăng ký vào Sổ đăng bạ tàu bay dân dụng Việt Nam quy định tại Chương IV Quy chế này, tàu bay chính thức mang quốc tịch Việt Nam và được cấp "Chứng chỉ đăng ký tàu bay".
2. Sau khi được cấp "Chứng chỉ đăng ký tàu bay", tàu bay phải được sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký của Việt Nam. Tàu bay không được sơn hoặc gắn bất kỳ dấu hiệu nào có nội dung hoặc hình thức làm người khác có thể nhầm lẫn là tàu bay được đăng ký ở quốc gia mà tàu bay lại không đăng ký ở đó; hoặc sơn hoặc gắn bất kỳ dấu hiệu nào có nội dung hoặc hình thức giống tàu bay Nhà nước của bất kỳ quốc gia nào.

Điều 4.

1. Tàu bay có thể được đăng ký tạm thời trong các trường hợp sau đây:
 - a) Tàu bay đang được chế tạo tại Việt Nam và người sở hữu là cá nhân hoặc tổ chức của Việt Nam đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quy chế này;

b) Tàu bay đã được chế tạo xong tại Việt Nam và người sở hữu là tổ chức hoặc cá nhân của Việt Nam đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này, có nhu cầu trưng bày, triển lãm hoặc bán tàu bay tại nước ngoài;

c) Tàu bay đã được chế tạo xong tại nước ngoài và chuẩn bị đưa về Việt Nam cho các tổ chức hoặc cá nhân của Việt Nam đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quy chế này trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu tàu bay.

2. Nhằm mục đích bay trong vùng trời Việt Nam, tàu bay cũng có thể được đăng ký tạm thời với điều kiện là điểm khởi hành và điểm đến nằm trong lãnh thổ Việt Nam, không bay qua bất kỳ lãnh thổ của Quốc gia nào và được phép của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam sau khi có ý kiến của Bộ Quốc phòng đề:

a) Tiến hành thử nghiệm, kể cả việc thử nghiệm động cơ và trang thiết bị của tàu bay;

b) Xin cấp chứng chỉ đủ điều kiện bay hoặc công nhận chứng chỉ đủ điều kiện bay hoặc sửa chữa, tân trang;

c) Bay biểu diễn để bán tàu bay này hoặc các tàu bay tương tự;

d) Di chuyển từ căn cứ tới nơi để tiến hành các công việc quy định tại các điểm a, b, c nói trên và ngược lại.

3. Tổ chức và cá nhân trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà muốn đăng ký tàu bay tạm thời tại Việt Nam phải làm các thủ tục đăng ký tạm thời quy định tại Điều 9 Quy chế này và được cấp "Chứng chỉ đăng ký tàu bay tạm thời".

4. Việc đăng ký tạm thời tàu bay đương nhiên hết hiệu lực khi trong giấy phép cấp đăng ký tạm thời đã hết hạn.

Điều 5. Tàu lượn có thể bay mà không phải đăng ký trong trường hợp điểm xuất phát và điểm đến nằm trong lãnh thổ Việt Nam, không bay qua bất kỳ quốc gia nào khác và không nhằm mục đích vận chuyển công cộng hoặc thực hiện công tác hàng không, hoặc bay theo chương trình huấn luyện trong các câu lạc bộ hàng không.

Điều 6. Khi tàu bay được đăng ký tại Việt Nam thì việc đăng ký phải ghi vào Sổ đăng bạ và bao gồm các chi tiết sau đây:

- a) Sổ của chứng chỉ đăng ký và ngày cấp chứng chỉ;
- b) Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký của tàu bay;
- c) Tên của nhà chế tạo tàu bay và thiết kế của nó;
- d) Số xuất xưởng của tàu bay;
- đ) Tên, địa chỉ và địa vị pháp lý của người chủ sở hữu tàu bay, người đi thuê tàu bay;
- e) Trong trường hợp tàu bay được đăng ký theo quy định của khoản 3 và 4 Điều 1 của Quy chế này, thì ghi rõ trường hợp cụ thể được đăng ký và lý do được đăng ký.

Điều 7.

1. Tàu bay dân dụng Việt Nam bị xoá đăng ký tại Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

- a) Hư hỏng không có khả năng sử dụng;
- b) Đã chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc cho thuê lại mà người thuê không đủ các điều kiện đăng ký theo quy định của Quy chế này;
- c) Bị tuyên bố là mất tích;
- d) Hết thời hạn thuê, nếu tàu bay được đăng ký dưới tên người thuê;
- đ) Tổ chức, cá nhân được chấp nhận đăng ký tàu bay dưới tên của mình trở thành tổ chức không đủ các điều kiện đăng ký tàu bay quy định tại Điều 1 Quy chế này;
- e) Khi Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam xét thấy tàu bay đăng ký tại Việt Nam sẽ gây ảnh hưởng xấu tới an ninh, quốc phòng hoặc lợi ích của Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký tàu bay dân dụng tại Việt Nam, nếu có yêu cầu xoá đăng ký phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xem xét từng trường hợp cụ thể.

3. Tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký tàu bay tại Việt Nam phải báo cáo ngay cho Cục Hàng không dân dụng Việt Nam các thay đổi về người đứng tên đăng ký hoặc những chi tiết mà dẫn đến việc tàu bay sẽ bị xoá đăng ký tại Việt Nam.

Mục B: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ

Điều 8.